

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh
về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2011**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3139/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Nội dung sửa đổi:

a) Sửa đổi định mức phân bổ quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3 đối với nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học; trung học cơ sở; trung học phổ thông và phổ thông dân tộc nội trú;

b) Sửa đổi định mức phân bổ quy định tại Khoản 2, Điều 4 đối với Trung tâm Chính trị các huyện, thị xã, thành phố và Trường Chính trị tỉnh;

c) Sửa đổi định mức phân bổ quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều 6;

d) Sửa đổi, bổ sung Điều c, Khoản 2, Điều 6 như sau:

“- Cán bộ, công chức cấp xã:

+ Tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương được cấp đủ theo chế độ quy định.

+ Kinh phí hoạt động: Theo phụ lục chi tiết đính kèm.

- Định mức phân bổ theo tiêu chí đơn vị hành chính xã bao gồm:

+ Phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: được cấp đủ theo chế độ quy định.

+ Chi các chế độ, chính sách do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành bao gồm: phụ cấp cán bộ một cửa; kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Ban thanh tra nhân dân cấp xã; Ban chấp hành Hội người cao tuổi cấp xã; Ban tuyên giáo đảng ủy xã; Ban công tác mặt trận thôn; cụm văn hoá dân cư; chi cho những người làm công tác chỉ trả trợ cấp xã hội hàng tháng; phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên; kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân (không bao gồm phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân đã được tính trong nguồn cải cách tiền lương), ... Đối với các xã, phường có số thôn, tổ dân phố lớn hơn 7 thì ngân sách phân bổ số kinh phí cho số thôn, tổ dân phố tăng thêm với mức là 29,4 triệu đồng/ thôn, tổ dân phố.

+ Kinh phí hoạt động của những người hoạt động không chuyên trách: Theo Phụ lục chi tiết đính kèm.

+ Đối với mua sắm tài sản có số lượng lớn hoặc có giá trị lớn, sửa chữa lớn trụ sở làm việc được bố trí căn cứ vào quyết định cụ thể và khả năng của ngân sách hàng năm.”

đ) Sửa đổi định mức phân bổ quy định tại Khoản 2, Điều 7;

e) Sửa đổi Khoản 3, Điều 18 như sau:

Dự phòng ngân sách các cấp được sử dụng để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán trong năm ngân sách.

2. Định mức sửa đổi: Theo phụ lục chi tiết đính kèm

Điều 2. Định mức phân bổ cho các lĩnh vực còn lại áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khoá IV.

Điều 3. Nghị quyết này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thời kỳ ổn định ngân sách 2013 - 2015.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ định mức phân bổ hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm bảo đảm đúng thời gian quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Chủ động cân đối nguồn ngân sách khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách mới.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa V, kỳ họp thứ 4 thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- Bộ TC, Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (2 bản);
- Lưu: VT, DN, VN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần An Khánh



PHỤ LỤC

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
ÁP DỤNG CHO NĂM NGÂN SÁCH 2013 VÀ THỜI KỲ ỒN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2013 - 2015**

Kèm theo Nghị quyết số **01/2012/NQ-HĐND** ngày 28 tháng 6 năm 2012

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ tại Nghị quyết 14/2010/NQ-HĐND	Định mức phân bổ dự toán 2013
1	2	3	4
Tổng cộng			
I. Sự nghiệp giáo dục			
1. Thị xã, thành phố và các huyện đồng bằng			
Đồng/học sinh/năm			
a) Trường phổ thông dân tộc nội trú	"	700.000	1.400.000
b) Nhà trẻ, mẫu giáo	"	1.280.000	1.316.000
c) Tiểu học	"	580.000	610.000
d) Trung học cơ sở và trung học phổ thông	"	700.000	730.000
<i>Trong đó: Trường phổ thông trung học chuyên Lê Quý Đôn</i>		700.000	1.460.000
2. Các huyện miền núi			
Đồng/học sinh/năm			
a) Huyện Khánh Vĩnh			
- Nhà trẻ, mẫu giáo	"	1.790.000	1.850.000
- Tiểu học	"	810.000	855.000
- Trung học cơ sở và trung học phổ thông	"	980.000	1.040.000
b) Huyện Khánh Sơn			
- Nhà trẻ, mẫu giáo	"	1.920.000	1.984.000
- Tiểu học	"	870.000	918.000
- Trung học cơ sở và trung học phổ thông	"	1.050.000	1.114.000
3. Hỗ trợ tết Nguyên đán và lễ 1/5, 2/9 cho cán bộ viên chức toàn ngành	Triệu đồng/biên chế/năm	0,55	1,2
II. Sự nghiệp đào tạo			
1. Trường chính trị			
Triệu đồng/học viên/năm			
5,3			
2. Trung tâm chính trị huyện			
a) Đồng bằng			
Triệu đồng/trung tâm/năm			
400			
b) Miền núi			
Triệu đồng/trung tâm/năm			
350			
3 Hỗ trợ tết Nguyên đán và lễ 1/5, 2/9 cho cán bộ viên chức toàn ngành			
Triệu đồng/biên chế/năm			
0,55			
III. Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể			
1. Cấp tỉnh			
Triệu đồng/biên chế/năm			
a) Đối với các sở, ban ngành, đảng, đoàn thể			
- Từ 10 biên chế trở xuống	"	19	22,8
- Từ 11 đến 20 biên chế	"	18	21,8
- Từ 21 đến 40 biên chế	"	17	20,8
- Từ 41 biên chế trở lên	"	16	19,8
b) Đối với các đơn vị trực thuộc sở			
- Từ 10 biên chế trở xuống	Triệu đồng/biên chế/năm	16,5	20,3
- Từ 11 đến 20 biên chế	"	15,5	19,3
- Từ 21 đến 40 biên chế	"	14,5	18,3
- Từ 41 biên chế trở lên	"	13,5	17,3
c) Hỗ trợ tết Nguyên đán và lễ 1/5, 2/9 cho cán bộ công chức	Triệu đồng/biên chế/năm	0,55	1,2
2. Cấp huyện			
Triệu đồng/biên chế/năm			
- Từ 10 biên chế trở xuống	"	16,5	20,3
- Từ 11 đến 20 biên chế	"	15,5	19,3
- Từ 21 đến 40 biên chế	"	14,5	18,3
- Từ 41 biên chế trở lên	"	13,5	17,3
- Hỗ trợ tết Nguyên đán và lễ 1/5, 2/9 cho cán bộ công chức	Triệu đồng/biên chế/năm	0,55	1,2

www.ThuVienPhapLuat.vn
 Tel: 04 8 399 0279

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ tại Nghị quyết 14/2010/NQ-HĐND	Định mức phân bổ dự toán 2013
3. Cấp xã			
a) Cán bộ công chức, chuyên trách cấp xã			
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	Triệu đồng/biên chế/năm	34	Cấp đủ theo chế độ quy định
+ Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương			15
+ Kinh phí hoạt động (bình quân 15 triệu đồng / người)	Triệu đồng/biên chế/năm		
- Các xã thuộc huyện miền núi	Triệu đồng/biên chế/năm	39	Cấp đủ theo chế độ quy định
+ Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương			18
+ Kinh phí hoạt động (bình quân 18 triệu đồng / người)	Triệu đồng/biên chế/năm		
- Hỗ trợ tết Nguyên đán và 1/5, 2/9 cho công chức chuyên trách	Triệu đồng/biên chế/năm	0.55	1
b) Phân bổ theo đơn vị hành chính			
- Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng			
+ Xã loại 1	Triệu đồng/xã/năm	240	Cấp đủ theo chế độ quy định
++ Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách			206
++ Chi cho các chế độ, chính sách	Triệu đồng/xã/năm		165
++ Chi hoạt động những người KCT (22 người x 7,5 triệu)	Triệu đồng/xã/năm		
+ Xã loại 2	Triệu đồng/xã/năm	240	Cấp đủ theo chế độ quy định
++ Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách			206
++ Chi cho các chế độ, chính sách	Triệu đồng/xã/năm		193
++ Chi hoạt động những người KCT (20 người x 7,5 triệu)	Triệu đồng/xã/năm		
+ Xã loại 3	Triệu đồng/xã/năm	240	Cấp đủ theo chế độ quy định
++ Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách			206
++ Chi cho các chế độ, chính sách	Triệu đồng/xã/năm		143
++ Chi hoạt động những người KCT (19 người x 7,5 triệu)	Triệu đồng/xã/năm		
- Các xã thuộc huyện miền núi			
+ Xã loại 2	Triệu đồng/xã/năm	200	Cấp đủ theo chế độ quy định
++ Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách			168
++ Chi cho các chế độ, chính sách	Triệu đồng/xã/năm		180
++ Chi hoạt động những người KCT (20 người x 9 triệu)	Triệu đồng/xã/năm		
+ Xã loại 3	Triệu đồng/xã/năm	200	Cấp đủ theo chế độ quy định
++ Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách			168
++ Chi cho các chế độ, chính sách	Triệu đồng/xã/năm		171
++ Chi hoạt động những người KCT (19 người x 9 triệu)	Triệu đồng/xã/năm		
- Hỗ trợ tết Nguyên đán và lễ 1/5, 2/9			
+ Cán bộ không chuyên trách và trí thức trẻ về xã	Triệu đồng/người/năm	0.4	0.7
+ Dân quân trực chiến	"	0.2	0.5
+ Thanh niên tình nguyện	Triệu đồng/người/năm	0.55	0.7

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ tại Nghị quyết 14/2010/NQ-HĐND	Định mức phân bổ dự toán 2013
+ Cán bộ chuyên trách dân số kế hoạch hóa gia đình	Triệu đồng/người/năm	0.11	0.25
+ Cán bộ khuyến nông, khuyến ngư, thú y cấp xã	Triệu đồng/người/năm		0.25
+ Cán bộ thôn	Triệu đồng/người/năm	0.31	0.45
+ Công an viên, y tế thôn bản, già yếu nghỉ việc	"	0.11	0.25
III. Biên chế sự nghiệp (trừ các đơn vị thuộc ngành giáo dục, y tế và các đơn vị sự nghiệp có thu)			
1. Cấp tỉnh			
a) Bổ sung kinh phí hoạt động	Triệu đồng/biên chế/năm	44	51
b) Hỗ trợ tết Nguyên đán và lễ 1/5, 2/9	"	0.55	1
2. Cấp huyện			
a) Bổ sung kinh phí hoạt động	"	40	51
b) Hỗ trợ tết Nguyên đán và lễ 1/5, 2/9	"	0.55	1
IV. Quà tết Nguyên đán và lễ 1/5-2/9 (Cán bộ hưu trí, chính sách)			
1. Đối tượng do tỉnh ủy quản lý	Triệu đồng/người/năm	0.84	1.09
2. Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang và người hoạt động trước năm 1945	"	0.84	1.09
3. Cán bộ tiền khởi nghĩa	"	0.64	1.09
4. Thân nhân thờ cúng liệt sỹ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức 41% trở lên; có công giúp đỡ cách mạng, ...	"	0.52	0.64
5. Gia đình cơ sở cách mạng tiêu biểu ...	"	0.13	0.45
6. Đối tượng hưởng Bảo hiểm xã hội	"	0.52	0.64
7. Hội viên hội người mù	"	0.13	0.25
8. Người 100 tuổi trở lên, người tâm thần hưởng trợ cấp xã hội	"		0.25
9. Hộ nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành	"		0.25
10. Đối tượng được hỗ trợ tiền ăn trong 4 ngày tết	"	0.06	0.26
11. Cơ quan Trung ương có nhiều đóng góp	"	0.45	0.64
12. Cơ quan Trung ương còn lại	"	0.25	0.31
13. Ngày thương binh liệt sỹ	"	0.12	0.26

LawSociety.vn
 Tel: 84-9-3940329
 *www.LawSociety.vn